

Số: **29** /2020/GCNDKHD-TCGDNN

Hà Nội, ngày **16** tháng 3 năm 2020

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CHỨNG NHẬN:

1. Tên cơ sở đăng ký: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC**

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: **Thu Duc College of Technology**

Thuộc: **Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ trụ sở chính: **Số 53 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh**

Điện thoại: **028.3896.6825;**

Fax: **028.3896.2474;**

Website: **www.tdc.edu.vn;**

Email: **pdt@tdc.edu.vn**

Địa chỉ phân hiệu/địa điểm đào tạo khác: **Không**

Quyết định thành lập Trường số: **6426/QĐ-BGDĐT**

Ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp: **Ngày 24/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

2. Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Tại trụ sở chính: **Số 53 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh**

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Thiết kế đồ họa	6210402	140	Cao đẳng
2	Truyền thông và mạng máy tính	6480104	100	Cao đẳng
3	Công nghệ thông tin	6480201	330	Cao đẳng
4	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	250	Cao đẳng
		5510201	50	Trung cấp

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
5	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6510202	260	Cao đẳng
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	230	Cao đẳng
7	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6510304	95	Cao đẳng
8	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	6510305	75	Cao đẳng
9	Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động	5510305	30	Trung cấp
10	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	6510312	50	Cao đẳng
11	Chế tạo thiết bị cơ khí	6520104	50	Cao đẳng
12	Điện tử công nghiệp	6520225	40	Cao đẳng
13	Điện công nghiệp	6520227	105	Cao đẳng
14	Tiếng Anh	6220206	270	Cao đẳng
15	Tiếng Hàn Quốc	6220211	180	Cao đẳng
16	Tiếng Nhật	6220212	80	Cao đẳng
17	Tài chính - Ngân hàng	6340202	90	Cao đẳng
18	Kinh doanh thương mại	6340101	50	Cao đẳng
			100	Sơ cấp
19	Quản trị kinh doanh	6340404	300	Cao đẳng
20	Logistics	6340113	80	Cao đẳng
21	Quản trị khách sạn	6810201	75	Cao đẳng

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
22	Quản trị nhà hàng	6810206	60	Cao đẳng
23	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6810101	110	Cao đẳng
24	Kế toán	6340301	210	Cao đẳng
25	Kế toán doanh nghiệp	5340302	50	Trung cấp
26	Quản lý siêu thị	6340443	30	Cao đẳng
27	Quản lý và bán hàng siêu thị	5340424	20	Trung cấp
			100	Sơ cấp
28	Quản lý và kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống	5340423	50	Trung cấp
29	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	50	Trung cấp
30	Bảo trì và sửa chữa ô tô	5520159	50	Trung cấp
31	Nghiệp vụ Bar		100	Sơ cấp
32	Nghiệp vụ chế biến bánh Âu		100	Sơ cấp
33	Kế toán tổng hợp		100	Sơ cấp
34	Kế toán chuyên nghiệp		100	Sơ cấp
35	Phay		100	Sơ cấp
36	Vận hành lập trình tiện - phay CNC		100	Sơ cấp
37	Quản trị hệ thống mạng chuyên nghiệp		100	Sơ cấp
38	Lắp đặt, triển khai hệ thống mạng		100	Sơ cấp

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 18/2019/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 22/3/2019 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 18a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 16/8/2019 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp./.



TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Minh

Ghi chú: Quy mô tuyển sinh/năm của các nghề đào tạo trình độ sơ cấp được cấp trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp này là quy mô tối đa Nhà trường được tuyển sinh và tổ chức đào tạo trong năm./.